

Số: 271 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tiến độ và những kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 và mục tiêu giảm nghèo của Thành phố.

- Xác định những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025.

- Đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo; giải pháp huy động, bố trí và sử dụng nguồn lực; giải pháp chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025.

2. Yêu cầu

- Đánh giá tổng thể kết quả thực hiện các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội; kết quả thực hiện Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

- Qua đánh giá kiểm tra, giám sát, rút ra những kinh nghiệm, đề xuất giải pháp thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Công tác giám sát, đánh giá phải dân chủ, công khai, có sự tham gia của Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, người dân, cộng đồng.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội

Những dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo mà Thành phố có đối tượng thực hiện gồm:

- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo.
- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng.
- Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững.
- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.
- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình.

2. Giám sát, đánh giá các nội dung, chương trình giảm nghèo của Thành phố

- Về xây dựng các Kế hoạch, Chương trình giảm nghèo hằng năm và cả giai đoạn.
- Công tác phối hợp giữa các đơn vị trong việc triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn Thành phố.
- Việc thực hiện các chính sách giảm nghèo ở cơ sở.

3. Nội dung giám sát, đánh giá (Phụ lục kèm theo)

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Phạm vi

- Công tác giám sát, đánh giá được thực hiện trên phạm vi toàn Thành phố.
- Thành lập Đoàn giám sát, đánh giá tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương (*sau đây gọi tắt là đơn vị*); các đơn vị còn lại tự giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện trên địa bàn và báo cáo kết quả giám sát, đánh giá về Ủy ban nhân dân Thành phố (*qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp báo cáo theo quy định.

2. Đối tượng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

IV. THỜI GIAN, CÁCH THỨC VÀ THÀNH PHẦN GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

1. Thời gian giám sát, đánh giá

Giám sát, đánh giá hằng năm.

2. Cách thức giám sát, đánh giá

- Giám sát, đánh giá thông qua báo cáo, thu thập thông tin số liệu.
- Tổ chức giám sát, đánh giá thực tế tại các đơn vị.

3. Thành phần giám sát, đánh giá

- Cơ quan thường trực: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Một số Sở, ngành liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 được bố trí từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, đôn đốc các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn các đơn vị tổng hợp báo cáo theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*biểu mẫu kèm theo*).

2. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện giám sát, đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Kế hoạch thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

- Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố những nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động - TB&XH;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;
- Công Giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học-Công báo Thành phố;
- Báo: HNM, KTĐT, TTXVN-Phân xã HN, Đài PT&TH Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP, các phòng: KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KGVX.Ngọc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn



Phụ lục 1

Các bước giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 271 /KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND Thành phố)

I. CÁC BƯỚC GIÁM SÁT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Nội dung giám sát

- Việc xây dựng hệ thống văn bản quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 2022-2025 và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý chương trình, dự án thành phần.

- Tình hình thực hiện Chương trình: Tiến độ, mức độ, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình.

- Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước: Huy động, sử dụng vốn thực hiện chương trình, dự án thành phần; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc chương trình, dự án thành phần (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có).

- Việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình.

- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, kết quả xử lý các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.

- Theo dõi các nội dung về: Tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần; lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, kết quả giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh và kết quả xử lý.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án thành phần; kết quả xử lý vướng mắc, khó khăn theo thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Phương pháp giám sát

a) Thu thập các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của địa phương về thực hiện Chương trình; báo cáo giám sát, đánh giá và các tài liệu liên quan.

b) Khảo sát, kiểm tra thực địa.

c) Tham vấn cán bộ xã, thôn: Cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, thành viên Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã (sau đây gọi là Ban quản lý cấp xã), trưởng thôn.

d) Tham vấn các đối tượng thụ hưởng để đánh giá mức độ tiếp cận và thụ hưởng Chương trình.

3. Các bước giám sát

b) Cấp Thành phố

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện về kế hoạch giám sát.
- Thu thập các thông tin về chỉ đạo, tổ chức, thực hiện Chương trình.
- Chọn ngẫu nhiên xã, thôn để giám sát thực tế.
- Tiến hành các nội dung giám sát theo kế hoạch.

c) Cấp huyện

- Thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã về kế hoạch giám sát.
- Chọn ngẫu nhiên thôn để tiến hành giám sát.
- Thu thập các tài liệu liên quan.
- Tiến hành kiểm tra ở thôn và tham vấn trực tiếp với đối tượng hưởng lợi Chương trình.

d) Cấp xã

- Ban quản lý cấp xã báo cáo tình hình thực hiện Chương trình giảm nghèo.
- Thu thập các tài liệu liên quan.
- Tham vấn các đối tượng hưởng lợi về mức độ tiếp cận, thụ hưởng Chương trình.

II. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Nội dung đánh giá

a) Nội dung đánh giá hằng năm

- Đánh giá công tác quản lý chương trình trong năm thực hiện gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.
- Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 2022-2025 được cấp có thẩm quyền giao.
- Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.
- Phương hướng, giải pháp thực hiện năm tiếp theo.

b) Nội dung đánh giá giữa kỳ chương trình

- Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 2022-2025.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn (năm 2025).

c) Nội dung đánh giá kết thúc chương trình

- Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

2. Các bước đánh giá

a) Thu thập thông tin, báo cáo ở cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban quản lý cấp xã:

Định kỳ thu thập thông tin (theo phụ lục 2), 6 tháng, hằng năm.

b) Thu thập thông tin, tổng hợp, báo cáo ở cấp huyện

- Các cơ quan, đơn vị liên quan thu thập thông tin (theo phụ lục 2) 6 tháng, hằng năm

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung xây dựng Báo cáo giám sát 6 tháng, hằng năm, Báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc và hằng năm, đột xuất để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương

binh và Xã hội và các sở, ban, ngành chủ trì, quản lý và thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình.

c) Tổng hợp, báo cáo ở Thành phố

- Các cơ quan, đơn vị liên quan thu thập thông tin theo phụ lục 2 kèm theo

- Các cơ quan, đơn vị tổng hợp biểu mẫu báo cáo theo dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần được phân công chủ trì, quản lý, thực hiện; xây dựng Báo cáo (phụ lục 2) đối với các dự án, tiểu dự án và nội dung thành phần do sở, ban ngành quản lý. Báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc và hằng năm, đột xuất và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và bộ, ngành trực tiếp quản lý.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, Báo cáo đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc và hằng năm, để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phụ lục 2

TÊN CƠ QUAN BẢO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**(Kèm theo Kế hoạch số 271 /KH-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND Thành phố)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Đơn vị thực hiện
				6 tháng (hoặc cả năm)	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
A	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo		Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND quận, huyện, thị xã			
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số dự án, mô hình giảm nghèo được triển khai (theo từng dự án)					
2.2	Số người được hỗ trợ	Người				
2.3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người				
B	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp		Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND quận, huyện, thị xã			
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số dự án, mô hình phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp được triển khai (theo từng dự án)					
2.2	Số người được hỗ trợ	Người				
2.3	Số phụ nữ được hỗ trợ	Người				
II	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng		Sở Y tế, UBND quận, huyện, thị xã			
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Đơn vị thực hiện
				6 tháng (hoặc cả năm)	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
2.2	Số trẻ suy dinh dưỡng gầy còm dưới 5 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
2.3	Số trẻ suy dinh dưỡng thấp còi từ 5 đến dưới 16 tuổi được hỗ trợ	Trẻ				
C	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững		Sở Lao động TB&XH, UBND quận, huyện, thị xã			
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2.1	Hỗ trợ đào tạo					
a.	Tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
b.	Số lao động được hỗ trợ hoàn thành các khóa đào tạo (nghề, ngoại ngữ):	Người				
c.	Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
2.2	Tổng số lao động được hỗ trợ các chi phí khác trong quá trình đào tạo và các thủ tục xuất cảnh	Người				
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
2.3	Tổng số lao động đã xuất cảnh	Người				
	- Chia theo đối tượng:					
	+ Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân tộc thiểu số	Người				
	+ Lao động thuộc các đối tượng khác	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
2.4	Hỗ trợ hoạt động tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng					
	- Số lượt người được tư vấn	Người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Đơn vị thực hiện
				6 tháng (hoặc cả năm)	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
	- Kinh phí thực hiện hỗ trợ	Triệu đồng				
III	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		Sở Lao động TB&XH, UBND quận, huyện, thị xã			
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện	Triệu đồng				
2.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin					
a	Số lượng Trung tâm dịch vụ việc làm được hỗ trợ					
b	Số lượng máy móc, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp	Máy móc/ trang thiết bị				
c	Phần mềm được đầu tư, nâng cấp	Phần mềm				
2.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc					
a	Người tìm việc được thu thập, cập nhật thông tin	Người				
	Trong đó:					
	- Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	- Lao động nữ	Người				
b	Người sử dụng lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Đơn vị				
2.3	Hỗ trợ giao dịch việc làm					
	- Số phiên giao dịch việc làm/ngày hội việc làm	Phiên/ngày hội				
	- Số doanh nghiệp, hợp tác xã, Hộ kinh doanh, Cơ sở đào tạo tham gia	Đơn vị				
	- Số lao động được hỗ trợ tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Đơn vị thực hiện
				6 tháng (hoặc cả năm)	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
2.4	Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu về dân cư					
	- Số lao động được thu thập, cập nhật thông tin	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
2.5	Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động					
	- Khảo sát/điều tra thu thập thông tin thị trường lao động	Cuộc				
	- Phân tích/dự báo thị trường lao động	Án phẩm				
2.6	Hỗ trợ kết nối việc làm thành công					
	- Số lao động được kết nối việc làm thành công (có giao kết hợp đồng lao động)	Người				
	Trong đó:					
	+ Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo	Người				
	+ Lao động nữ	Người				
D	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động TB&XH, UBND quận, huyện thị xã			
II	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều					
1	Tổng ngân sách, trong đó:					
1.1	Ngân sách Thành phố					
1.2	Huy động nguồn khác					
2	Kết quả thực hiện					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng bản tin, tờ rơi, tờ gấp được sản xuất	Bản tin				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do địa phương xuất bản, bao gồm					
	+ Số đầu sách	Án phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu năm	Kết quả thực hiện Chương trình		Đơn vị thực hiện
				6 tháng (hoặc cả năm)	% so với kế hoạch đầu năm	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại				
	+ Số người tham gia đối thoại	Người				
E	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình		Sở Lao động TB&XH, UBND quận, huyện, thị xã			
I	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình					
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
II	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá					
I	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách Thành phố	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách quận, huyện	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
	Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn				